

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
QUÝ I NĂM 2017**

**Hà Tĩnh, tháng 4 năm 2017**

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP (gọi tắt là " Tổng Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017.

**Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính:**

**Hội đồng quản trị:**

- |                        |                 |
|------------------------|-----------------|
| - Ông Trương Hữu Trung | Chủ tịch HĐQT   |
| - Ông Nguyễn Huy Hùng  | Thành viên HĐQT |
| - Bà Nguyễn Thị Hà     | Thành viên HĐQT |
| - Ông Nguyễn Văn Bình  | Thành viên HĐQT |
| - Ông Võ Văn Lưu       | Thành viên HĐQT |

**Ban Tổng Giám đốc:**

- |                        |                                       |
|------------------------|---------------------------------------|
| - Ông Nguyễn Huy Hùng  | Tổng Giám đốc                         |
| - Bà Nguyễn Thị Hà     | Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng |
| - Ông Nguyễn Văn Bình  | Phó Tổng Giám đốc                     |
| - Ông Võ Văn Lưu       | Phó Tổng Giám đốc                     |
| - Ông Lê Viết Thảo     | Phó Tổng Giám đốc                     |
| - Ông Nguyễn Đình Toàn | Phó Tổng Giám đốc                     |

**Ban Kiểm soát:**

- |                          |                      |
|--------------------------|----------------------|
| - Ông Phùng Văn Tân      | Trưởng Ban Kiểm soát |
| - Ông Đào Anh Dũng       | Thành viên           |
| - Bà Nguyễn Thị Hồng Vân | Thành viên           |

Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 61/2003/QĐ-TTg ngày 18/04/2003 của Thủ tướng Chính Phủ. Tổng Công ty đã thực hiện cổ phần hóa theo phương án cổ phần đã được chính phủ phê duyệt theo quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 11/10/2013. Theo đó:

- Vốn điều lệ : 1.320.000.000.000 đồng (Một nghìn ba trăm hai mươi tỷ đồng).
- Theo Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 17/02/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ khi chuyển Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh thành Công ty Cổ phần, theo đó: Vốn điều lệ là 1.320.000.000.000 đồng tương ứng với 132.000.000 cổ phần trong đó:

Cổ phần Nhà nước nắm giữ 109.560.000 cổ phần chiếm 83% vốn điều lệ;

Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động 960.400 cổ phần chiếm 0,73% vốn điều lệ;

Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược 19.541.800 cổ phần chiếm 14,8% vốn điều lệ;

Cổ phần bán cho nhà đầu tư bên ngoài 1.937.800 cổ phần chiếm 1,47% vốn điều lệ.

**Số vốn thực góp đến thời điểm 31/03/2017 (đơn vị tính: đồng)**

Nội dung	Số tiền theo Quyết định số 463/QĐ-UBND	Số vốn thực góp	Số vốn còn góp thiếu
Vốn Nhà nước	1.095.600.000.000	1.072.153.914.618	23.446.085.382
Vốn của các cổ đông	28.982.000.000	28.982.000.000	-
Cổ đông chiến lược	195.418.000.000	-	195.418.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.320.000.000.000</b>	<b>1.101.135.914.618</b>	<b>218.864.085.382</b>

TT	Các Công ty con của Tổng Công ty	Trụ sở
1	Công ty TNHH MTV Giồng và Vật tư Nông nghiệp Mitraco, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100%.	Thôn Hòa Thịnh, Xã Thiên Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh.
2	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100%.	Số 02 Vũ Quang, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.
3	Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 60,64%.	Khu Công nghiệp Hạ vàng, Xã Thiên Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh.
4	Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 65%.	Thị trấn Thạch Hà, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh.
5	Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 60%.	Xã Kỳ Tiến, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh.
6	Công ty TNHH Việt Lào, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100%.	Bản Bung Houana - Xebangfay - Khawmmouane - Lào.
7	Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 51,28%.	Xã Thạch Vĩnh, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh.
8	Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 52,55%.	Số 450 đường Hà Huy Tập, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.
9	Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 58,70%.	Xóm 10, Thị trấn Đức Thọ, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh.
10	Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 73%.	Số 02 Vũ Quang, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.
11	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 63,83%.	Tổ 12 Thị trấn Cẩm Xuyên, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh.
12	Công ty Cổ phần Thiên Ý 2, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 75%.	Thị trấn Thiêm Cầm, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh.
13	Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 60%.	Xã Kỳ Phương, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh.
14	Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 91,85%.	Xóm 4, Xã Xuân Lĩnh, Huyện Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh.
15	Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 53%.	Xã Kỳ Lợi, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh.
16	Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100%.	Xã Kỳ Trinh, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh.
17	Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 50,95%.	Xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh.

### Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo Đăng ký kinh doanh:

- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu: Khai thác chế biến kinh doanh các loại khoáng sản, quặng có chất phóng xạ;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, sản xuất sản phẩm gốm sứ khác, sản xuất xi măng, vôi và thạch cao, sản xuất bê tông và các loại sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh và nhập khẩu vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh khách sạn, thương mại du lịch, nhà hàng, văn phòng cho thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, đại lý du lịch, điều hành tua du lịch, dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại máy móc thiết bị;
- Giáo dục nghề nghiệp: Đào tạo dạy nghề;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Dịch vụ tuyển chọn lao động ở Việt Nam đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài;
- Bốc xếp hàng hóa: Kinh doanh xếp dỡ, giao nhận hàng hóa đường biển và đường bộ;
- Chăn nuôi trâu bò, lợn, hươu, gia cầm;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất chế biến thực phẩm chức năng từ nhung hươu;
- Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản, chế biến bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, chế biến và bảo quản rau quả;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, kinh doanh và xuất nhập khẩu xăng dầu và các sản phẩm có liên quan;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa: Trồng và chế biến các loại thủy sản, sản xuất giống thủy sản;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ: Sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe: Sản xuất linh kiện phụ tùng ô tô;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục), may trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Bán buôn tổng hợp: Kinh doanh thương mại tổng hợp, xuất nhập khẩu hàng tiêu dùng: điện lạnh, điện dân dụng, xe máy, bếp ga, giày, dép, quần, áo, hàng gốm sứ, dụng cụ thể thao;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh nhà, đất, kinh doanh văn phòng cho thuê, xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, đường dây và trạm biến áp đến 35KV, đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cụm dân cư và đô thị, kinh doanh nhà;
- Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ;
- Chuẩn bị mặt bằng: San lấp mặt bằng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan khác: Lập dự án đầu tư, thẩm tra dự án, tư vấn đầu tư, tư vấn đấu thầu, quản lý dự án, tư vấn khảo sát địa chất, địa hình, tư vấn thiết kế, quy hoạch, thiết kế kỹ thuật các công trình dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Nhân và chăm sóc giống Nông nghiệp: Sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu hạt giống rau quả, giống cây lương thực chất lượng cao, sản xuất và kinh doanh giống cây ăn quả, sản xuất và kinh doanh giống thủy sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp khác cho vận tải hàng không: Dịch vụ bán vé máy bay trong nước và quốc tế.

Tổng Công ty có trụ sở tại: Số 02 Vũ Quang, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.

**Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại ngày 31/03/2017, kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017 của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này từ trang 05 đến trang 42.

**Tại báo cáo này Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xin khẳng định những vấn đề sau đây**

- Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý;
- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc.
- Tài sản mà Tổng Công ty đang nắm giữ là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Tổng Công ty và không có bất kỳ một sự kiện nào có thể dẫn tới việc tranh chấp các tài sản mà Tổng Công ty đang sử dụng;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán hoặc cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch nào nhằm ngừng sản xuất một loại sản phẩm đang được sản xuất, ngừng xây dựng các công trình đang dở dang cũng không có một kế hoạch hay dự tính nào có thể dẫn đến tình trạng hàng tồn kho ứ đọng hoặc lạc hậu và không có bất kỳ khoản hàng tồn kho nào được hạch toán với giá trị cao hơn giá trị thực hiện thuần;
- Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017 đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty tại ngày 31/03/2017, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017;
- Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017 đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày 31/03/2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017;
- Chúng tôi khẳng định rằng Tổng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

TP Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 04 năm 2017

**Thay mặt và đại diện**

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**



Nguyễn Huy Hùng  
Tổng giám đốc

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>699.731.318.114</b>	<b>703.074.933.454</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>98.093.113.885</b>	<b>76.627.547.188</b>
1. Tiền	111		83.073.651.885	73.452.606.988
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.019.462.000	3.174.940.200
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.11a</b>	<b>50.826.205.920</b>	<b>83.419.094.809</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		100.000.000	100.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		50.726.205.920	83.319.094.809
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>156.842.831.586</b>	<b>169.030.431.078</b>
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	V.2	110.081.371.504	122.766.714.679
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	23.573.606.346	30.732.126.636
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	41.499.134.493	33.865.015.520
4. Dự phòng phải thu NH khó đòi (*)	137		(18.311.839.843)	(18.334.634.843)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		559.086	1.209.086
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>363.672.505.855</b>	<b>343.837.788.682</b>
1. Hàng tồn kho	141		373.187.511.138	353.352.793.965
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(9.515.005.283)	(9.515.005.283)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>30.296.660.868</b>	<b>30.160.071.697</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12a	15.765.087.579	13.898.318.543
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.6	14.101.587.838	11.330.243.948
3. Các khoản thuế phải thu Nhà nước	154	V.7	429.985.451	4.931.509.206
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.481.189.111.815</b>	<b>1.449.776.588.818</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.665.103.000</b>	<b>3.850.112.643</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		2.399.323.000	2.584.332.643
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	1.265.780.000	1.265.780.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>835.487.610.903</b>	<b>850.378.205.623</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	818.347.547.012	832.910.771.245
- Nguyên giá	222		1.448.104.242.844	1.444.036.441.173
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(629.756.695.832)	(611.125.669.928)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	17.140.063.891	17.467.434.378
- Nguyên giá	228		25.547.137.191	25.547.137.191
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(8.407.073.300)	(8.079.702.813)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>306.335.494.363</b>	<b>254.543.968.426</b>

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Mẫu số B01a-HN

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017

1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	306.335.494.363	254.543.968.426
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.11b</b>	<b>237.869.438.500</b>	<b>232.229.438.500</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	253		237.881.627.800	237.881.627.800
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán ĐT DH (*)	254		(12.189.300)	(5.652.189.300)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>97.831.465.049</b>	<b>108.774.863.626</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12b	81.935.647.528	92.151.558.326
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		5.050.730.925	5.050.730.925
3. Tài sản dài hạn khác	268		9.625.000.000	10.300.000.000
4. Lợi thế thương mại	269	V.13	1.220.086.596	1.272.574.375
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.180.920.429.929</b>	<b>2.152.851.522.272</b>

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>717.565.622.383</b>	<b>700.074.798.836</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>456.289.391.903</b>	<b>446.235.818.474</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	107.278.928.403	98.753.557.665
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15a	16.776.773.966	15.613.705.933
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.16	17.408.090.446	19.995.428.062
4. Phải trả người lao động	314		17.520.204.262	32.194.314.352
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	14.817.658.933	15.916.170.328
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.584.957.454	1.639.343.637
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	39.556.248.691	34.934.985.460
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	228.186.525.763	209.715.301.052
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		300.000.000	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.860.003.985	17.473.011.985
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>261.276.230.480</b>	<b>253.838.980.362</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.14b	78.927.000	78.927.000
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		18.384.434.763	19.105.407.909
3. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	731.787.678	731.787.678
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	241.906.407.258	233.736.576.491
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		174.673.781	186.281.284
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.463.354.807.546</b>	<b>1.452.776.723.436</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>1.343.774.368.146</b>	<b>1.346.498.898.036</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.101.135.914.618	1.101.135.914.618
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.101.135.914.618	1.101.135.914.618
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.087.089.965	4.087.089.965

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Mẫu số B01a-HN

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017

3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(40.728.290)	(40.728.290)
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(1.756.176)	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		24.227.869.549	24.227.869.549
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.204.160.038	4.573.341.792
7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	PL01	207.161.818.442	212.515.410.402
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>119.580.439.400</b>	<b>106.277.825.400</b>
1. Nguồn kinh phí Dự án	431		119.580.439.400	106.277.825.400
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.180.920.429.929</b>	<b>2.152.851.522.272</b>

TP Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 04 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Bùi Văn Minh

Nguyễn Thị Hà

Nguyễn Huy Hùng

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I và lũy kế 03 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	202.471.364.096	292.723.065.387	202.471.364.096	292.723.065.387
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.566.286.700	1.531.082.865	1.566.286.700	1.531.082.865
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV</b>	10	VI.3	200.905.077.396	291.191.982.522	200.905.077.396	291.191.982.522
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	174.834.423.236	252.903.449.758	174.834.423.236	252.903.449.758
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		26.070.654.160	38.288.532.764	26.070.654.160	38.288.532.764
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	530.415.440	248.153.725	530.415.440	248.153.725
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	8.063.350.399	8.501.907.611	8.063.350.399	8.501.907.611
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.063.350.399	8.501.907.611	8.063.350.399	8.501.907.611
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	10.081.002.578	10.554.422.065	10.081.002.578	10.554.422.065
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	16.074.779.681	17.708.657.842	16.074.779.681	17.708.657.842
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		(7.618.063.058)	1.771.698.971	(7.618.063.058)	1.771.698.971
11. Thu nhập khác	31	VI.9	2.661.227.912	4.204.361.030	2.661.227.912	4.204.361.030
12. Chi phí khác	32	VI.0	701.967.559	541.033.348	701.967.559	541.033.348
13. <b>Lợi nhuận khác</b>	40		1.959.260.353	3.663.327.682	1.959.260.353	3.663.327.682
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		(5.658.802.705)	5.435.026.653	(5.658.802.705)	5.435.026.653
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	1.940.721.854	3.994.114.839	1.940.721.854	3.994.114.839
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(11.607.503)	-	(11.607.503)	-

17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(7.587.917.056)	1.440.911.814	(7.587.917.056)	1.440.911.814
-	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		1.396.689.713	5.691.903.718	1.396.689.713	5.691.903.718
-	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		(8.984.606.769)	(4.250.991.904)	(8.984.606.769)	(4.250.991.904)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12		13		13
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	(69)		(69)	

TP Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 04 năm 2017

Người lập biểu



Bùi Văn Minh

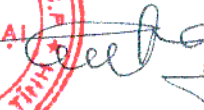
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hà



Tổng Giám đốc



Nguyễn Huy Hùng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

cho 03 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	03 tháng đầu năm 2017	03 tháng đầu năm 2016
1	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	302.756.055.402	178.578.265.250
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	2	(194.739.038.135)	(112.365.826.524)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(55.074.349.554)	(50.085.727.525)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(7.975.072.195)	(6.823.658.260)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(3.729.596.403)	(989.375.520)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	12.208.616.984	8.456.653.652
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	3.902.591.532	(15.997.693.776)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>57.349.207.631</b>	<b>772.637.297</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(874.423.636)	(12.847.683.766)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	706.505.454	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(35.100.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	56.033.376.732	22.375.768.265
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	519.722.913	765.276.556
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>21.285.181.463</b>	<b>10.293.361.055</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã	32	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	87.708.588.309	98.519.911.363
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(127.087.475.049)	(128.562.652.552)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(190.000.000)	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.599.935.657)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(57.168.822.397)</b>	<b>(30.042.741.189)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>21.465.566.697</b>	<b>(18.976.742.837)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>76.627.547.188</b>	<b>115.862.529.294</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>98.093.113.885</b>	<b>96.885.786.457</b>

TP Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 04 năm 2017

Người lập biểu



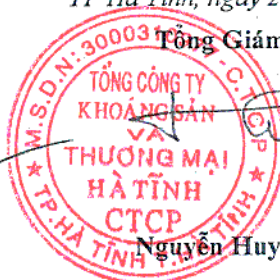
Bùi Văn Minh

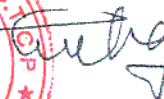
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hà

Tổng Giám đốc





Nguyễn Huy Hùng

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho 03 tháng đầu năm 2017

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn:

Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 61/2003/QĐ-TTg ngày 18/04/2003 của Thủ tướng Chính Phủ. Tổng Công ty đã thực hiện cổ phần hóa theo phương án cổ phần đã được chính phủ phê duyệt theo quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 11/10/2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 1.320.000.000.000 đồng (Một nghìn ba trăm hai mươi tỷ đồng).

Theo Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 17/02/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ khi chuyển Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh thành Công ty Cổ phần, theo đó: Vốn điều lệ là 1.320.000.000.000 đồng tương ứng với 132.000.000 cổ phần trong đó:

- Cổ phần Nhà nước nắm giữ 109.560.000 cổ phần chiếm 83% vốn điều lệ;
  - Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động 960.400 cổ phần chiếm 0,73% vốn điều lệ;
  - Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược 19.541.800 cổ phần chiếm 1,48% vốn điều lệ;
  - Cổ phần bán cho nhà đầu tư bên ngoài 1.937.800 cổ phần chiếm 1,47% vốn điều lệ.
- Công ty có trụ sở tại: Số 02 Vũ Quang, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác chế biến và kinh doanh khoáng sản.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu: Khai thác chế biến kinh doanh các loại khoáng sản, quặng có chất phóng xạ;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, sản xuất sản phẩm gốm sứ khác, sản xuất xi măng, vôi và thạch cao, sản xuất bê tông và các loại sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh và nhập khẩu vật liệu xây
- Kinh doanh khách sạn, thương mại du lịch, nhà hàng, văn phòng cho thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, đại lý du lịch, điều hành tua du lịch, dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại máy móc thiết bị;
- Giáo dục nghề nghiệp: Đào tạo dạy nghề;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Dịch vụ tuyển chọn lao động ở Việt Nam đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài;
- Bốc xếp hàng hóa: Kinh doanh xếp dỡ, giao nhận hàng hóa đường biển và đường bộ;
- Chăn nuôi trâu bò, lợn, hươu, gia cầm;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất chế biến thực phẩm chức năng từ nhung hươu;
- Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản, chế biến bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, chế biến và bảo quản rau quả;

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, kinh doanh và xuất nhập khẩu xăng dầu và các sản phẩm có liên quan;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa: Trồng và chế biến các loại thủy sản, sản xuất giống thủy sản;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ: Sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe: Sản xuất linh kiện phụ tùng ô tô;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục), may trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Bán buôn tổng hợp: Kinh doanh thương mại tổng hợp, xuất nhập khẩu hàng tiêu dùng: điện lạnh, điện dân dụng, xe máy, bếp ga, giày, dép, quần, áo, hàng gốm sứ, dụng cụ thể thao;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh nhà, đất, kinh doanh văn phòng cho thuê, xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, đường dây và trạm biến áp đến 35KV, đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cụm dân cư và đô thị, kinh doanh nhà;
- Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ;
- Chuẩn bị mặt bằng: San lấp mặt bằng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan khác: Lập dự án đầu tư, thẩm tra dự án, tư vấn đầu tư, tư vấn đấu thầu, quản lý dự án, tư vấn khảo sát địa chất, địa hình, tư vấn thiết kế, quy hoạch, thiết kế kỹ thuật các công trình dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Nhân và chăm sóc giống Nông nghiệp: Sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu hạt giống rau quả, giống cây lương thực chất lượng cao, sản xuất và kinh doanh giống cây ăn quả, sản xuất và kinh doanh giống thủy sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp khác cho vận tải hàng không: Dịch vụ bán vé máy bay trong nước và quốc tế.
- Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý rượu, bia, nước giải khát, đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa.

#### 4. *Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: Ngắn hạn*

#### 5. *Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:*

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI). Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho 03 tháng đầu năm 2016 do đơn vị lập.

## II. **Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (Đồng).

## III. **Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng**

### 1. **Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty mẹ và các Công ty con áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư sửa đổi, bổ sung kèm theo.

**2. Tuyên bố tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban lãnh đạo Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam đã ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính:

**1. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định hiện hành về kế toán có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 3 năm 2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**3. Trình tự và phương pháp hợp nhất**

Hợp cộng các chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty mẹ và công ty con;

Loại trừ toàn bộ giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ trong từng công ty con và phần vốn của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con và ghi nhận lợi thế thương mại (nếu có);

Phân bổ lợi thế thương mại (nếu có);

Tách và trình bày lợi ích của cổ đông không kiểm soát thành chỉ tiêu riêng biệt;

Loại trừ toàn bộ các giao dịch nội bộ trong toàn Tổng Công ty;

Lập bảng tổng hợp các bút toán điều chỉnh và bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất;

---

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

Lập Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ vào bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất sau khi đã được điều chỉnh và loại trừ.

*Đối với các chỉ tiêu về tài sản, nguồn vốn, doanh thu và chi phí được trình bày như đã trình bày ở báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và công ty con có điều chỉnh những yếu tố sau khi hợp nhất:*

Doanh thu, giá vốn, lãi và công nợ nội bộ;

Vốn đầu tư của công ty mẹ tương ứng phần vốn chủ sở hữu công ty con;

Lợi ích cổ đông không kiểm soát;

Các chỉ tiêu khác theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**4. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:**

- 4.1 Tỷ giá hối đoái sử dụng để hạch toán kế toán là tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch tại Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản.
- 4.2 Tỷ giá hối đoái sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

- 5.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị các khoản này.

- 5.2 Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ đều được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế.

Tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ các khoản mục có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

**6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

- 6.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: là các khoản tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc.
- 6.2 Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

---

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**7. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

- 7.1 Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
  - Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;
- 7.2 Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

*30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.*

*50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.*

*70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.*

*100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 03 năm trở lên.*

**8. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

- 8.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.
  - Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm. Các chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở tỉ lệ sản phẩm hoàn thành trong kỳ.
- 8.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ + Giá trị hàng tồn kho nhập trong kỳ - Giá trị hàng tồn kho xuất trong kỳ (Phương pháp tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền).
- 8.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cho hầu hết hàng tồn kho, duy nhất áp dụng kiểm kê định kỳ đối với nguyên liệu, công cụ tại bộ phận dịch vụ khách sạn.
- 8.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.
- 9. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:**
- 9.1 Nguyên tắc ghi nhận:
- Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)*



- 9.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung kèm theo. Số năm khấu hao của các tài sản cố định như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 10 năm
Máy móc thiết bị	03 - 06 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	03 - 10 năm
Vườn cây lâu năm, súc vật	05 - 08 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 08 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm
Phần mềm vi tính	02 - 05 năm
Tài sản cố định vô hình khác	03 - 10 năm

**10. Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao.

**11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

- Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.
- Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh, bao gồm:
  - + Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
  - + Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
  - + Các khoản chi phí trả trước khác có phát sinh lớn mà theo xét đoán của ban lãnh đạo doanh nghiệp thì cần thiết được phân bổ cho nhiều kỳ kế toán.

**12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn..

**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

13.1 Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13.2 Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**14. Nguồn vốn chủ sở hữu:**

- Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế được các chủ sở hữu góp vốn.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.
- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu trong năm của Công ty bao gồm doanh thu xuất khẩu khoáng sản, doanh thu bán súc vật, cây trồng,... và doanh thu hoạt động tài chính.

**15.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**15.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**15.3 Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán cổ phiếu đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:**

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hoá phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

- Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí về tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,... phát sinh trong kỳ kế toán được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương và các khoản trích theo tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...) phát sinh trong kỳ được ghi nhận toàn bộ và Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

**19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Không bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: đồng)**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	12.106.315.910	8.808.967.396
Tiền gửi Ngân hàng	70.967.335.975	64.643.639.592
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng)	15.019.462.000	3.174.940.200
<b>Cộng</b>	<b>98.093.113.885</b>	<b>76.627.547.188</b>
2. Phải thu ngắn hạn khách hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty mẹ	37.781.597.730	57.076.206.965
Công ty TNHH MTV Giồng và Vật tư Nông nghiệp	2.835.026.400	3.330.371.600
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát tri	1.467.472.760	24.106.660
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	16.264.205.615	15.270.097.251
Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	4.142.075.000	4.836.681.486
Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng	5.080.559.114	5.060.147.214
Công ty TNHH Việt Lào	17.077.515.925	14.810.905.908
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	1.046.485.577	1.815.048.007
Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh	800.643.937	1.037.256.477
Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	1.286.947.771	834.152.714
Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	7.042.561.050	8.119.831.475
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	555.905.012	731.906.012

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh BCTCHN

Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017

Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	279.285.484	319.693.442
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	1.117.739.081	1.251.061.481
Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Kh	824.196.649	832.945.649
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	11.127.121.130	5.465.080.960
Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco	848.221.671	958.766.780
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	503.811.598	992.454.598
<b>Cộng</b>	<b>110.081.371.504</b>	<b>122.766.714.679</b>
<b>3. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty mẹ	12.669.716.232	13.608.045.407
Công ty TNHH MTV Giồng và Vật tư Nông nghiệp	216.090.489	216.090.489
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát tri	3.000.756.308	7.411.215.096
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	20.514.700	2.731.544.700
Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	447.561.786	447.561.786
Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng	183.046.469	155.347.091
Công ty TNHH Việt Lào	246.000.000	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	562.469.751	1.001.056.331
Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh	238.367.000	22.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	1.855.278.565	1.176.618.717
Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	287.733	108.359.804
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	857.304.691	533.615.337
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	9.541.809	6.505.065
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	2.691.939.613	2.691.939.613
Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Kh	30.000.000	30.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	528.735.800	504.882.800
Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco	15.995.400	87.344.400
<b>Cộng</b>	<b>23.573.606.346</b>	<b>30.732.126.636</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017

4. Phải thu ngắn khác	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>41.499.134.493</b>	-	<b>33.865.015.520</b>	-
Công ty mẹ	13.627.753.194	-	13.285.462.586	-
Công ty TNHH MTV Giống và Vật tư Nông nghiệp Mitraco	141.465.497	-	75.871.251	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	2.657.705.379	-	1.882.392.944	-
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	7.070.110.196	-	3.609.951.779	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	297.091.500	-	297.091.000	-
Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh	347.954.027	-	298.392.147	-
Công ty TNHH Việt Lào	4.344.190.183	-	3.900.817.403	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	2.097.522.538	-	1.619.952.660	-
Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh	3.361.418.672	-	477.475.316	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	3.274.124.037	-	3.202.053.373	-
Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	438.409.098	-	428.851.833	-
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	209.323.116	-	157.664.616	-
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	489.024.714	-	568.441.604	-
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	1.517.693.732	-	1.517.693.732	-
Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê	310.917.706	-	340.471.706	-
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	551.513.300	-	1.102.503.221	-
Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco	755.853.604	-	1.092.864.349	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	7.064.000	-	7.064.000	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1.265.780.000</b>	-	<b>1.265.780.000</b>	-
Cầm cố, ký cược, ký quỹ dài hạn	1.265.780.000	-	1.265.780.000	-
<b>Cộng</b>	<b>42.764.914.493</b>	-	<b>35.130.795.520</b>	-
5. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	61.664.165.889	-	57.257.640.674	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh  
Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017

Công cụ, dụng cụ	3.602.071.802	(51.237.184)	3.727.172.196	(51.237.184)
Chi phí SX, KD dở dang	178.516.592.744	-	148.557.303.762	-
Thành phẩm	118.255.143.766	(9.415.836.132)	128.030.454.941	(9.415.836.132)
Hàng hoá	11.149.536.937	(47.931.967)	15.780.222.392	(47.931.967)
<b>Cộng</b>	<b>373.187.511.138</b>	<b>(9.515.005.283)</b>	<b>353.352.793.965</b>	<b>(9.515.005.283)</b>

**6. Thuế GTGT được khấu trừ**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty mẹ	5.509.815.436	1.791.315.162
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	869.085.336	715.491.615
Công ty TNHH Việt Lào	1.234.978.203	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	-	1.615.233.065
Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh	1.077.686.589	-
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	-	817.791.697
Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	-	65.426.652
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	5.559.484	-
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	5.400.107.790	6.324.985.757
Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco	4.355.000	-
<b>Cộng</b>	<b>14.101.587.838</b>	<b>11.330.243.948</b>

**7. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công ty mẹ	1.282.061.324	7.819.894.761	6.553.668.184	15.834.747
Thuế GTGT phải nộp	435.882	4.275.011.061	4.281.104.484	6.529.305
Thuế xuất nhập khẩu	1.281.624.214	3.544.883.700	2.272.563.700	9.304.214
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017

<i>Thuế nhà đất, tiền thuê đất</i>	1.228	-	-	1.228
Công ty TNHH MTV Giống và Vật tư Nông nghiệp Mitraco	617.732.982	384.615.500	-	233.117.482
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	2.611.492.470	2.611.492.470	-	-
Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh	-	-	-	-
Công ty TNHH Việt Lào	260.851.643	260.851.643	-	-
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	40.607.991	154.544	10.896.888	51.350.335
Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	118.076.707	24.090.909	35.000.000	128.985.798
Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê	686.089	-	-	686.089
Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	-	-	11.000	11.000
<b>Cộng</b>	<b>4.931.509.206</b>	<b>11.101.099.827</b>	<b>6.599.576.072</b>	<b>429.985.451</b>

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Vườn cây lâu năm, súc vật	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>							
<i>Số dư đầu năm</i>	889.795.640.501	438.249.204.389	80.154.433.946	8.388.253.275	21.566.182.782	5.882.726.280	1.444.036.441.173
- Mua trong kỳ	504.053.091	5.453.472.904	-	-	-	-	5.957.525.995
- XDCB hoàn thành	-	416.339.000	-	-	-	-	416.339.000
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	502.074.920	1.609.598.404	-	194.390.000	-	2.306.063.324
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	890.299.693.592	443.616.941.373	78.544.835.542	8.388.253.275	21.371.792.782	5.882.726.280	1.448.104.242.844
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
<i>Số dư đầu năm</i>	313.576.791.894	230.851.576.297	53.550.582.833	4.722.806.433	4.315.437.036	4.108.475.435	611.125.669.928
- Khấu hao trong kỳ	10.221.057.283	7.612.668.151	1.685.219.422	175.995.690	730.666.812	132.631.652	20.558.239.010
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	502.074.920	1.376.540.706	-	48.597.480	-	1.927.213.106
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	323.797.849.177	237.962.169.528	53.859.261.549	4.898.802.123	4.997.506.368	4.241.107.087	629.756.695.832
<b>Giá trị còn lại</b>							
- Tại ngày đầu năm	576.218.848.607	207.397.628.092	26.603.851.113	3.665.446.842	17.250.745.746	1.774.250.845	832.910.771.245
- Tại ngày cuối kỳ	566.501.844.415	205.654.771.845	24.685.573.993	3.489.451.152	16.374.286.414	1.641.619.193	818.347.547.012

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)



**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017

**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>19.503.264.944</i>	<i>1.798.706.290</i>	-	<i>4.245.165.957</i>	<i>25.547.137.191</i>
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	250.000.000	-	-	250.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	250.000.000	250.000.000
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>19.503.264.944</i>	<i>2.048.706.290</i>	-	<i>3.995.165.957</i>	<i>25.547.137.191</i>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>4.338.723.619</i>	<i>1.771.206.290</i>	-	<i>1.969.772.904</i>	<i>8.079.702.813</i>
- Khấu hao trong kỳ	221.241.339	30.000.000	-	76.129.148	327.370.487
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>4.559.964.958</i>	<i>1.801.206.290</i>	-	<i>2.045.902.052</i>	<i>8.407.073.300</i>
<b>Giá trị còn lại</b>					
- <i>Tại ngày đầu năm</i>	<i>15.164.541.325</i>	<i>27.500.000</i>	-	<i>2.275.393.053</i>	<i>17.467.434.378</i>
- <i>Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>14.943.299.986</i>	<i>247.500.000</i>	-	<i>1.949.263.905</i>	<i>17.140.063.891</i>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh  
Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<i>Số cuối kỳ</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Công ty mẹ	251.700.450.940	251.700.450.940	202.187.101.576	202.187.101.576
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	<i>6.121.181.330</i>	<i>6.121.181.330</i>	<i>5.757.544.966</i>	<i>5.757.544.966</i>
<i>Xây dựng cơ bản</i>	<i>245.579.269.610</i>	<i>245.579.269.610</i>	<i>196.429.556.610</i>	<i>196.429.556.610</i>
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	6.758.790.012	6.758.790.012	2.645.212.512	2.645.212.512
Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh	-	-	800.000.000	800.000.000
Công ty TNHH Việt Lào	23.940.562.761	23.940.562.761	25.670.167.271	25.670.167.271
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	-	-	-	-
Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	6.403.250	6.403.250	6.403.250	6.403.250
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	9.776.242.696	9.776.242.696	9.503.742.364	9.503.742.364
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	13.981.114.704	13.981.114.704	13.559.411.453	13.559.411.453
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	171.930.000	171.930.000	171.930.000	171.930.000
<b>Cộng</b>	<b>306.335.494.363</b>	<b>306.335.494.363</b>	<b>254.543.968.426</b>	<b>254.543.968.426</b>

**11. Các khoản đầu tư tài chính**

	<i>Số cuối kỳ</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>50.826.205.920</b>	<b>-</b>	<b>83.419.094.809</b>	<b>-</b>
<i>Chứng khoán đầu tư ngắn hạn</i>	<i>100.000.000</i>	<i>-</i>	<i>100.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Đầu tư ngắn hạn khác</i>	<i>50.726.205.920</i>	<i>-</i>	<i>83.319.094.809</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	500.000.000	-	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	226.205.920	-	226.205.920	-
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	50.000.000.000	-	82.592.888.889	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

11/1 -> 25/11

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh  
Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất  
Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017

	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>
<b>b. Dài hạn</b>		<b>237.869.438.500</b>		<b>232.229.438.500</b>
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>		<i>237.881.627.800</i>		<i>237.881.627.800</i>
Công ty Cổ phần Đioxit Titan Việt Nam	67.500	675.000.000	67.500	675.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn (*)	5.640.000	56.400.000.000	5.640.000	56.400.000.000
Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê (**)	-	179.659.088.500	-	179.659.088.500
Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Phát Mitraco	108.000	1.080.000.000	108.000	1.080.000.000
Đầu tư dài hạn khác		67.539.300		67.539.300
<i>Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn</i>		<i>(12.189.300)</i>		<i>(5.652.189.300)</i>
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>		<i>-</i>		<i>-</i>
<b>Cộng</b>		<b>288.695.644.420</b>		<b>315.648.533.309</b>

(\*): Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn với số tiền: 56.400.000.000 đồng (5.640.000 CP) chiếm 19,8% vốn điều lệ.

(\*\*): Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê với số tiền: 179.659.088.500 đồng trong tổng số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê: 2.400.000.000.000 đồng chiếm 7,49% vốn điều lệ.

**12. Chi phí trả trước**

**a. Ngắn hạn**

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>15.765.087.579</b>	<b>13.898.318.543</b>
Công ty mẹ	8.166.473.325	6.856.986.338
Công ty TNHH MTV Giống và Vật tư Nông nghiệp Mitraco	167.066.000	164.000.584
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	106.970.909	94.305.328
Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh	-	-
Công ty TNHH Việt Lào	5.678.893.206	5.375.622.732
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	177.296.722	243.331.416
Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh	338.894.987	244.111.159
Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	58.615.077	26.054.044
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	42.300.000	57.000.000
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	94.960.947	15.102.501
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	17.254.437	17.254.437

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017

Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê	-	-
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	321.896.743	166.652.921
Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco	594.465.226	637.897.083
<b>b. Dài hạn</b>	<b>81.935.647.528</b>	<b>92.151.558.326</b>
Công ty mẹ	2.735.818.748	3.191.321.038
Công ty TNHH MTV Giống và Vật tư Nông nghiệp Mitraco	717.868.327	741.456.094
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	186.671.898	186.671.898
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	263.383.724	252.319.197
Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	1.556.106.244	1.556.106.244
Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh	664.180.319	664.180.319
Công ty TNHH Việt Lào	1.472.413.029	1.731.823.305
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	33.148.647.296	38.730.335.715
Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh	970.630.026	1.135.630.026
Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	23.166.175.670	26.179.249.017
Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	225.706.419	302.825.213
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	28.000.000	40.000.000
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	824.627.488	900.558.553
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	155.109.200	155.109.199
Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê	252.819.888	363.143.511
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	6.068.341.977	6.342.271.206
Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco	9.317.579.275	9.450.547.791
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	181.568.000	228.010.000
<b>Cộng</b>	<b>97.700.735.107</b>	<b>106.049.876.869</b>
<b>13. Lợi thế thương mại</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lợi thế thương mại phát sinh sau khi đánh giá lại vốn góp vào Công ty con	2.112.378.831	2.112.378.831
Số lợi thế thương mại phân bổ các năm trước	839.804.456	629.853.342

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017

	<i>Số cuối kỳ</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Số lợi thế thương mại phân bổ trong kỳ này		52.487.779		209.951.114
<b>Số lợi thế thương mại cuối năm</b>		<b>1.220.086.596</b>		<b>1.272.574.375</b>
<b>14. Phải trả người bán</b>				
<i>a. Ngắn hạn</i>	<b>107.278.928.403</b>	<b>107.278.928.403</b>	<b>98.753.557.665</b>	<b>98.753.557.665</b>
Công ty mẹ	8.140.128.932	8.140.128.932	12.018.636.583	12.018.636.583
Công ty TNHH MTV Giống và Vật tư Nông nghiệp Mitraco	4.167.767.025	4.167.767.025	5.322.914.425	5.322.914.425
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	22.663.936.427	22.663.936.427	15.942.787.451	15.942.787.451
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	29.346.059.507	29.346.059.507	7.998.811.361	7.998.811.361
Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	3.638.649.908	3.638.649.908	3.910.327.867	3.910.327.867
Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh	2.169.853.376	2.169.853.376	3.412.511.101	3.412.511.101
Công ty TNHH Việt Lào	20.833.780.834	20.833.780.834	30.150.028.725	30.150.028.725
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	8.052.783.335	8.052.783.335	9.729.448.321	9.729.448.321
Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh	753.797.412	753.797.412	1.790.772.533	1.790.772.533
Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	3.803.426.131	3.803.426.131	1.763.409.241	1.763.409.241
Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	630.173.157	630.173.157	495.933.971	495.933.971
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	777.813.953	777.813.953	906.554.475	906.554.475
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	97.939.370	97.939.370	29.675.071	29.675.071
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	436.110.732	436.110.732	1.091.228.732	1.091.228.732
Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê	450.781.161	450.781.161	450.781.161	450.781.161
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	920.120.313	920.120.313	3.266.843.514	3.266.843.514
Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco	305.176.300	305.176.300	97.769.300	97.769.300
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	90.630.530	90.630.530	375.123.833	375.123.833
<i>b. Dài hạn</i>	<b>78.927.000</b>	<b>78.927.000</b>	<b>78.927.000</b>	<b>78.927.000</b>
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	78.927.000	78.927.000	78.927.000	78.927.000
<b>Cộng</b>	<b>107.357.855.403</b>	<b>107.357.855.403</b>	<b>98.832.484.665</b>	<b>98.832.484.665</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017

**15. Người mua trả tiền trước****a. Ngắn hạn**

Công ty mẹ

Công ty TNHH MTV Giồng và Vật tư Nông nghiệp Mitraco

Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc

Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng

Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh

Công ty TNHH Việt Lào

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco

Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh

Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh

Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco

Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco

Công ty Cổ phần Thiên Ý 2

Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh

Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê

Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào

Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco

Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan

**b. Dài hạn**

Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco

**Cộng****Số cuối kỳ****Số đầu năm**

16.776.773.966

15.613.705.933

4.137.564.343

5.412.455.907

135.234.600

24.713.250

-

-

297.106.840

335.564.914

1.564.135.112

1.525.790.611

-

-

-

-

1.080.867.742

22.413.620

116.174.119

235.380.480

339.825.657

97.330.100

251.840.590

891.062.275

6.542.135.975

5.969.695.625

54.454.121

47.454.121

423.597.919

423.597.919

14.358.001

14.358.001

1.415.244.207

208.857.370

929.205

1.726.205

403.305.535

403.305.535

-

-

-

-

**16.776.773.966****15.613.705.933**

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối kỳ</i>
Công ty mẹ	1.540.277.719	600.520.236	1.806.568.578	334.229.377
<i>Thuế Thu nhập cá nhân</i>	<i>59.350.600</i>	<i>3.452.000</i>	<i>3.119.000</i>	<i>59.683.600</i>
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>36.633.748</i>	<i>55.697.557</i>	<i>36.634.678</i>	<i>55.696.627</i>
<i>Thuế tài nguyên và phí môi trường</i>	<i>920.380.791</i>	<i>390.952.509</i>	<i>1.130.142.070</i>	<i>181.191.230</i>
<i>Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác</i>	<i>523.912.580</i>	<i>150.418.170</i>	<i>636.672.830</i>	<i>37.657.920</i>
<i>Thuế nhà đất, tiền thuê đất</i>	-	-	-	-
<i>Các loại thuế khác</i>	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Giồng và Vật tư Nông nghiệp Mitraco	1.231.268	-	-	1.231.268
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	428.292.394	2.437.865.530	1.496.959.000	1.369.198.924
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	406.937.853	119.245.168	91.536.340	434.646.681
Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh	1.150.297.125	304.917.024	316.029.000	1.139.185.149
Công ty TNHH Việt Lào	5.339.753.463	4.119.792.758	5.101.988.781	4.357.557.440
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	812.784.515	137.421.316	821.796.224	128.409.607
Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh	1.440.000	272.000.000	-	273.440.000
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	32.942.331	36.446.285	33.787.787	35.600.829
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	128.061.123	-	39.683.584	88.377.539
Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	206.904.908	112.881.703	182.479.200	137.307.411
Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	12.500	1.802.944.312	1.776.616.193	26.340.619
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	5.759.082.720	35.993.538	106.993.538	5.688.082.720
Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê	1.316.652.246	-	1.529.079	1.315.123.167
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	1.995.786.945	3.117.769.422	4.058.635.617	1.054.920.750
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	543.074.393	55.241.971	-	598.316.364
Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco	331.896.559	138.430.819	44.204.777	426.122.601
<b>Cộng</b>	<b>19.995.428.062</b>	<b>13.291.470.082</b>	<b>15.878.807.698</b>	<b>17.408.090.446</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017

17. Chi phí phải trả		Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Công ty mẹ		222.790.797		222.790.797
	Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc		291.213.162		41.789.068
	Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh		10.296.225.538		11.474.203.987
	Công ty TNHH Việt Lào		3.985.902.221		3.741.980.090
	Công ty Cổ phần Thiên Ý 2		21.527.215		21.527.215
	Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào		-		413.879.171
	<b>Cộng</b>		<b>14.817.658.933</b>		<b>15.916.170.328</b>
18. Phải trả khác		Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a.	<i>Ngắn hạn</i>	39.556.248.691	39.556.248.691	34.934.985.460	34.934.985.460
	Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-	-	-
	Kinh phí công đoàn	835.681.247	835.681.247	687.302.353	687.302.353
	Bảo hiểm xã hội	3.813.446.484	3.813.446.484	3.431.764.071	3.431.764.071
	Phải trả, phải nộp khác	34.907.120.960	34.907.120.960	30.815.919.036	30.815.919.036
	Công ty mẹ	24.456.185.200	24.456.185.200	20.205.412.233	20.205.412.233
	Công ty TNHH MTV Giống và Vật tư Nông nghiệp Mitraco	-	-	-	-
	Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	12.539.115	12.539.115	40.440.000	40.440.000
	Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	3.893.333.537	3.893.333.537	2.599.801.839	2.599.801.839
	Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	68.635.000	68.635.000	68.215.000	68.215.000
	Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh	7.829.033	7.829.033	238.794	238.794
	Công ty TNHH Việt Lào	4.100.000	4.100.000	13.992.800	13.992.800
	Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	2.184.409.111	2.184.409.111	234.699.243	234.699.243

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)



**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017

<i>Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh</i>	4.058.844	4.058.844	92.505.324	92.505.324
<i>Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh</i>	174.511.724	174.511.724	56.717.772	56.717.772
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco</i>	96.105.466	96.105.466	84.865.925	84.865.925
<i>Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco</i>	39.807.756	39.807.756	-	-
<i>Công ty Cổ phần Thiên Ý 2</i>	1.940.186.564	1.940.186.564	717.771.563	717.771.563
<i>Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh</i>	110.466.110	110.466.110	32.935.832	32.935.832
<i>Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê</i>	9.117.940	9.117.940	50.962.656	50.962.656
<i>Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào</i>	362.041.705	362.041.705	521.757.156	521.757.156
<i>Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco</i>	282.830.624	282.830.624	-	-
<i>Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan</i>	197.033.000	197.033.000	310.601.000	310.601.000
<i>Phải trả khác</i>	1.063.930.231	1.063.930.231	5.785.001.899	5.785.001.899
<b>b. Dài hạn</b>	<b>731.787.678</b>	<b>731.787.678</b>	<b>731.787.678</b>	<b>731.787.678</b>
<i>Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào</i>	731.787.678	731.787.678	731.787.678	731.787.678
<b>Cộng</b>	<b>40.288.036.369</b>	<b>40.288.036.369</b>	<b>35.666.773.138</b>	<b>35.666.773.138</b>

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Mẫu số B09a-HN

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017

19.	Vay và nợ thuê tài chính	Số cuối kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a.	<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>228.186.525.763</b>	<b>228.186.525.763</b>	<b>137.437.508.515</b>	<b>118.966.283.804</b>	<b>209.715.301.052</b>	<b>209.715.301.052</b>
	Công ty mẹ	82.909.058.168	82.909.058.168	35.265.456.748	34.958.204.621	82.601.806.041	82.601.806.041
	Công ty TNHH MTV Giống và Vật tư Nông nghiệp Mitraco	150.000.000	150.000.000	150.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000
	Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	32.990.968.734	32.990.968.734	29.600.728.934	29.463.186.515	32.853.426.315	32.853.426.315
	Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	200.000.000	200.000.000	100.000.000	200.000.000	300.000.000	300.000.000
	Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh	4.503.757.174	4.503.757.174	-	-	4.503.757.174	4.503.757.174
	Công ty TNHH Việt Lào	34.479.926.270	34.479.926.270	12.684.697.260	11.727.465.700	33.522.694.710	33.522.694.710
	Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	39.471.228.000	39.471.228.000	29.471.228.000	14.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000
	Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	22.910.000.000	22.910.000.000	20.310.000.000	15.290.000.000	17.890.000.000	17.890.000.000
	Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	6.534.339.600	6.534.339.600	8.824.339.600	12.269.904.015	9.979.904.015	9.979.904.015
	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	1.818.527.973	1.818.527.973	1.031.057.973	419.297.000	1.206.767.000	1.206.767.000
	Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	1.300.000.000	1.300.000.000	-	278.225.953	1.578.225.953	1.578.225.953
	Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê	918.719.844	918.719.844	-	-	918.719.844	918.719.844
	Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	-	-	-	110.000.000	110.000.000	110.000.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017

<b>b.</b>	<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>241.906.407.258</b>	<b>241.906.407.258</b>	<b>16.859.247.965</b>	<b>8.689.417.198</b>	<b>233.736.576.491</b>	<b>233.736.576.491</b>
	Công ty mẹ	94.746.225.294	94.746.225.294	13.600.000.000	1.080.000.000	82.226.225.294	82.226.225.294
	Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	1.160.000.000	1.160.000.000		190.000.000	1.350.000.000	1.350.000.000
	Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	10.554.565.350	10.554.565.350	1.384.565.350	630.000.000	9.800.000.000	9.800.000.000
	Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh	20.964.407.416	20.964.407.416		290.889.229	21.255.296.645	21.255.296.645
	Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	28.514.213.620	28.514.213.620		1.560.000.000	30.074.213.620	30.074.213.620
	Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	29.410.000.000	29.410.000.000		2.170.000.000	31.580.000.000	31.580.000.000
	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	168.179.300	168.179.300		142.000.000	310.179.300	310.179.300
	Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	393.000.000	393.000.000		141.934.030	534.934.030	534.934.030
	Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê	400.000.000	400.000.000	-	-	400.000.000	400.000.000
	Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	55.595.816.278	55.595.816.278	1.874.682.615	2.484.593.939	56.205.727.602	56.205.727.602
	<b>Cộng</b>	<b>470.092.933.021</b>	<b>470.092.933.021</b>	<b>154.296.756.480</b>	<b>127.655.701.002</b>	<b>443.451.877.543</b>	<b>443.451.877.543</b>

**Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP**

Khoản vay của ngân hàng Vietcombank theo hợp đồng tín dụng ngày HD15/2699 ngày 23/11/2015. Hạn mức tín dụng là 120.000.000.000 đồng. Thời hạn hiệu lực của hạn mức là 6 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn (theo giấy nhận nợ). Mục đích sử dụng vốn vay là: Vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017

Khoản vay của ngân hàng Vietcombank theo hợp đồng tín dụng ngày HĐ15/2595 ngày 15/07/2015. Số tiền vay là 8.950.000.000 đồng. Lãi suất cho vay theo thông báo lãi suất của ngân hàng TMCP Ngoại thương Hà Tĩnh tại thời điểm rút vốn và cố định cho từng giấy nhận nợ. Thời hạn hiệu lực của hạn mức là 6 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn (theo giấy nhận nợ). Mục đích sử dụng vốn vay là: Vay vốn lưu động phục vụ thanh toán chi phí phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản. Kinh doanh Thạch cao; Giết mổ và kinh doanh gia súc gia cầm,...

Hợp đồng tín dụng theo hạn mức của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tĩnh số 16/2100/KHDN ngày 12/10/2016, hạn mức cho vay là 120.000.000.000 VNĐ, thời gian hiệu lực của hạn mức là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực. Lãi suất cho vay xác định tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất bên ngân hàng ghi trên từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay: Vay vốn lưu động phục vụ khai thác, chế biến và kinh doanh các loại khoáng sản, nuôi trồng chế biến nông sản và kinh doanh thương mại dịch vụ.

Hợp đồng vay vốn ngắn hạn với Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco số 02/2016/HĐVV ngày 10/07/2016 số tiền 10.000.000.000 VNĐ, lãi suất 7%/năm, kì hạn 05 tháng, thời hạn hiệu lực từ 15/07/2016 đến 15/12/2016.

Hợp đồng vay vốn ngắn hạn với Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng- Việt Lào số 03/2016/HĐVV ngày 03/08/2016 số tiền 30.000.000.000 VNĐ, lãi suất 5,5%/năm, kì hạn 09 tháng từ 03/08/2016 đến 03/05/2017.

Hợp đồng tín dụng vay vốn 01/2011/HĐTD-ĐP ngày 13/09/2011 số tiền 25.000.000.000 đồng. Lãi suất năm đầu là 0%, từ năm thứ 2 trở đi lãi vay cụ thể do Hội đồng quản lý quỹ hỗ trợ đầu tư Hà Tĩnh quy định. Thời hạn vay là 36 tháng. Mục đích khoản vay là góp vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê theo công văn số 2874/QĐ-UBND Tỉnh ngày 31/08/2011 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

Giấy nhận nợ số 01 kèm theo hợp đồng tín dụng số 14/2655 ngày 17/11/2014. Số tiền vay 2.064.000.000 đồng, lãi suất cho vay là lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng + 3% tại thời điểm nhận nợ là 9%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ để đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân hữu cơ vi sinh. Hình thức rút vốn bằng chuyển khoản.

Hợp đồng tín dụng số 14/2650/VCBHTi ngày 11/12/2014. Hạn mức tín dụng 48.840.000.000 đồng. Thời hạn vay 120 tháng. Lãi suất theo lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng+ 3% năm. Lãi suất hiện tại là 9%/năm. Mục đích vay: thực hiện dự án nhà máy chế biến súc sản Mitraco.

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017

**21. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu**

**A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>1. Số dư đầu năm trước</b>	<b>1.101.135.914.618</b>	<b>3.585.620.464</b>	<b>(40.728.290)</b>		<b>21.460.648.858</b>	<b>23.672.044.296</b>	<b>225.126.729.910</b>	<b>1.374.940.229.856</b>
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-		-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-		-	-	25.890.650.728	25.890.650.728
- Tăng khác	-	501.469.501	-		2.767.220.691	-	9.332.007.336	12.600.697.528
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-		-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-		-	(3.281.599.093)	-	(3.281.599.093)
- Giảm khác	-	-	-		-	(15.817.103.411)	(47.833.977.572)	(63.651.080.983)
								-
<b>2. Số dư cuối năm trước</b>	<b>1.101.135.914.618</b>	<b>4.087.089.965</b>	<b>(40.728.290)</b>	-	<b>24.227.869.549</b>	<b>4.573.341.792</b>	<b>212.515.410.402</b>	<b>1.346.498.898.036</b>
<b>3. Số dư đầu năm nay</b>	<b>1.101.135.914.618</b>	<b>4.087.089.965</b>	<b>(40.728.290)</b>	-	<b>24.227.869.549</b>	<b>4.573.341.792</b>	<b>212.515.410.402</b>	<b>1.346.498.898.036</b>
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-		-	-	-	-
- Lãi trong kỳ này	-	-	-		-	-	1.396.689.713	1.396.689.713
- Tăng khác	-	-	-		-	19.557.670.622	7.447.975.539	27.005.646.161
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-		-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ này	-	-	-		-	(8.984.606.769)	-	(8.984.606.769)
- Giảm khác	-	-	-	(1.756.176)	-	(7.942.245.607)	(14.198.257.212)	(22.142.258.995)
								-
<b>4. Số dư cuối kỳ này</b>	<b>1.101.135.914.618</b>	<b>4.087.089.965</b>	<b>(40.728.290)</b>	<b>(1.756.176)</b>	<b>24.227.869.549</b>	<b>7.204.160.038</b>	<b>207.161.818.442</b>	<b>1.343.774.368.146</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh BCTCHN

Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017

<b>B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ SH</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Vốn góp của Nhà nước	97,37%	1.072.153.914.618	1.072.153.914.618
Cổ đông khác	2,63%	28.982.000.000	28.982.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.101.135.914.618</b>	<b>1.101.135.914.618</b>
<b>C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:</b>			
		<b>03 tháng đầu năm 2017</b>	<b>03 tháng đầu năm 2016</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>			
Vốn góp đầu năm		1.101.135.914.618	1.101.135.914.618
Vốn góp tăng trong năm		-	-
Vốn góp giảm trong năm		-	-
Vốn góp cuối năm		1.101.135.914.618	1.101.135.914.618
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>		-	-
<b>D. Cổ phiếu</b>		<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		110.113.591	110.113.591
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng		110.113.591	110.113.591
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		<i>110.113.591</i>	<i>110.113.591</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		110.113.591	110.113.591
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		<i>110.113.591</i>	<i>110.113.591</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/ 1 Cổ phiếu		
<b>E. Các quỹ doanh nghiệp</b>		<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Quỹ đầu tư phát triển		24.227.869.549	24.227.869.549
<b>VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh (ĐVT: đồng)</b>			
		<b>03 tháng đầu năm 2017</b>	<b>03 tháng đầu năm 2016</b>
<b>1. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>			
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		202.471.364.096	292.723.065.387
<b>Cộng</b>		<b>202.471.364.096</b>	<b>292.723.065.387</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		<b>03 tháng đầu năm 2017</b>	<b>03 tháng đầu năm 2016</b>
Hàng bán bị trả lại và Chiết khấu thương mại		1.566.286.700	1.531.082.865
<b>Cộng</b>		<b>1.566.286.700</b>	<b>1.531.082.865</b>
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>200.905.077.396</b>	<b>291.191.982.522</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>		<b>03 tháng đầu năm 2017</b>	<b>03 tháng đầu năm 2016</b>
Giá vốn hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp		174.834.423.236	252.903.449.758

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh BCTCHN

Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017

	03 tháng đầu năm 2017	03 tháng đầu năm 2016
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	174.834.423.236	252.903.449.758
<b>Cộng</b>	<b>174.834.423.236</b>	<b>252.903.449.758</b>
<b>5. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	530.415.440	248.153.725
<b>Cộng</b>	<b>530.415.440</b>	<b>248.153.725</b>
<b>6. Chi phí hoạt động tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	8.063.350.399	8.501.907.611
<b>Cộng</b>	<b>8.063.350.399</b>	<b>8.501.907.611</b>
<b>7. Chi phí bán hàng</b>		
	10.081.002.578	10.554.422.065
<b>8. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	16.074.779.681	17.708.657.842
<b>9. Thu nhập khác</b>		
	2.807.020.432	4.204.361.030
<b>10. Chi phí khác</b>		
	847.760.079	541.033.348
<b>11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
	234.511.000	159.845.089
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	29.906.737	279.626.745
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	653.545.011	773.654.915
Công ty TNHH Việt Lào	-	-
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	118.302.579	420.690.184
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	2.372.111	179.272.800
Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	902.084.416	2.181.025.106
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	-	-
Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>1.940.721.854</b>	<b>3.994.114.839</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	03 tháng đầu năm 2017	03 tháng đầu năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(7.587.917.056)	1.440.911.814
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(7.587.917.056)	1.440.911.814
Cổ phiếu phổ thông lưu hành đầu năm	110.113.591	110.113.591
Cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	110.113.591	110.113.591
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		<b>13</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(69)</b>	

**VII. Những thông tin khác**

**1. Công cụ tài chính**

**1.1 Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động vừa tối đa hoá lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty bao gồm: Vốn điều lệ cộng (+) thặng dư vốn cổ phần trừ (-) cổ phiếu quỹ.

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Tổng Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính:

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tiền và tương đương tiền	98.093.113.885	98.093.113.885
Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	175.154.112.343	156.842.272.500

**1.2 Công nợ tài chính**

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng qui định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Tổng Công ty và các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả kinh doanh.

	Số dư ngày 31/03/2017
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn dài hạn	470.092.933.021
Phải trả người bán	107.278.928.403

**1.3 Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.



Rủi ro thị trường: Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hoá từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hoá. Rủi ro này Tổng Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp phân bố ở các khu vực khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả của hàng hoá.

Rủi ro tín dụng: Bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất: Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng tính dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với các khoản nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/03/2017:

Đối tượng	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	107.278.928.403	-	107.278.928.403
Vay và nợ ngắn hạn	228.186.525.763	-	228.186.525.763
Vay và nợ dài hạn	-	241.906.407.258	241.906.407.258

## 2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI). Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho 03 tháng đầu năm 2016 do đơn vị lập.

## 3. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	Cuối quý	Đầu năm
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn</b>		
<b>1.1. Bố trí cơ cấu tài sản (%)</b>		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	67,92%	67,34%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	32,08%	32,66%
<b>1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)</b>		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	32,90%	32,52%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	67,10%	67,48%
<b>2. Khả năng thanh toán</b>		
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	3,04	3,08
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	1,53	1,58
2.3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,74	0,81
	<b>03 tháng đầu năm</b>	<b>03 tháng đầu năm</b>
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>	<b>2017</b>	<b>2016</b>
<b>3.1. Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)</b>		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	(2,82%)	1,87%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	(3,78%)	0,49%
<b>3.2. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)</b>		

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh BCTCHN

Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	(0,26%)	0,25%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	(0,35%)	0,07%

TP Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 04 năm 2017

Người lập biểu



Bùi Văn Minh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hà

Tổng Giám đốc



Nguyễn Huy Hùng

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh BCTCHN

Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017

**Phụ lục 01: Bảng xác định Lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

TT	Chỉ tiêu	Vốn chủ sở hữu	Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	547.206.323.100	353.147.823.100	194.058.500.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	8.015.527.899	4.087.089.965	3.928.437.934
3	Cổ phiếu quỹ	(61.529.958)	(40.728.290)	(20.801.668)
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	(2.405.720)	(1.756.176)	(649.544)
5	Quỹ đầu tư phát triển	45.226.008.639	24.227.869.549	20.998.139.090
6	Lợi nhuận chưa phân phối	(66.778.856.632)	(54.977.049.262)	(11.801.807.370)
<b>Cộng</b>		<b>533.605.067.328</b>	<b>326.443.248.886</b>	<b>207.161.818.442</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)